VIETNAM 1:50,000

NHA TRANG

EDITION 3-DMA SERIES L7014 SHEET 6833 III

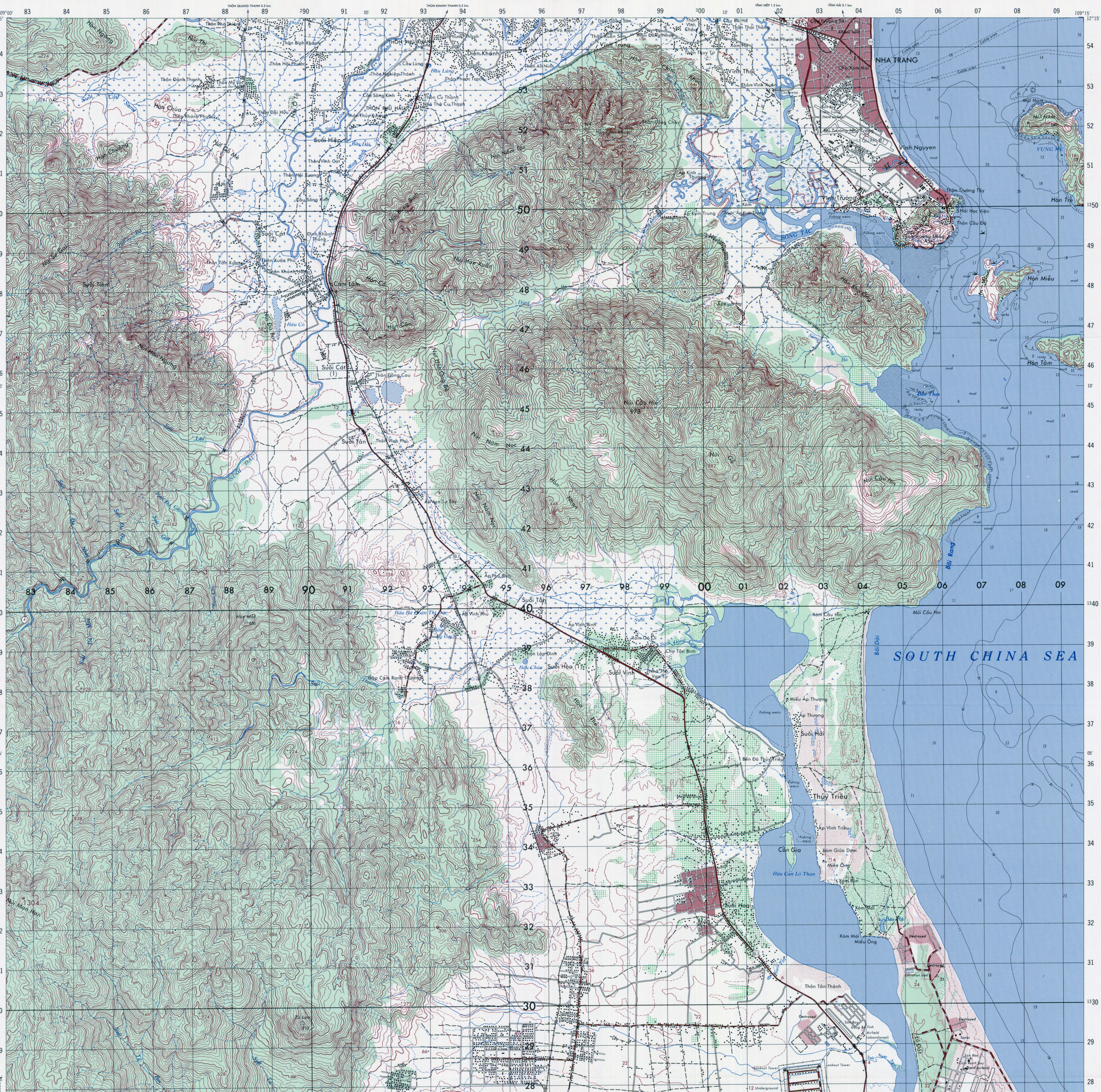
THÔN QUANG THANH 0.5 km.
THÔN KHANH THANH 0.5 km.
VĨNH HIỆP 1.5 km.
VĨNH HẢI 3.1 km.
109°00′
12°15′
109°15′
NHA TRANG
Chợ Xóm Mới
Sân Bay Nha Trang (hard surface)
Phi Trường Nha Trang
KHU QUÂN SỰ
Vĩnh Nguyen
Thôn Trường Tây
Hải Học Viện
Thôn Cầu Đá
Vĩnh Trường
Bình Tân
Thôn Trường Đông
SÔNG TẮC
Diên Khánh
THÔN PHÚ KHÁNH
THÔN PHÚ HẢU
Suối Hiệp
Suối Cát (2)
Suối Cát (1)
Cam Lâm
Đinh Khánh Thạnh
Thôn Đồng Cau
Suối Tân
Thôn Vĩnh Phú
Ấp Vạn Tự Tây
Ấp Phú Bình
Ấp Vĩnh Phú
Ấp Vĩnh Bình
Xóm Gò Ói
Chợ Tân Bình
Suối Vinh
Nhà Thờ Vạn Tự
Suối Hòa (1)
Thôn Lập Định
Bàu Chùa
Đập Cam Ranh Thượng
Bàu Bà Đoàn Thị Đức
Hòn Chùa
Hòn Chuông
Hòn Ngang
Núi Thị
Núi Gò Mè
Núi Se Gai
Suối Tiên
Núi Hòa Ngang
Núi Nam Tóc
Núi Hòn Xuân
Hòn Cô
Hòn Câu
Núi Hòn Ông Bà
Núi Năm Nọc
Hòn Khô Ông
Hòn Chín Khúc
Núi Cầu Hin
978
Núi Gò
882
Núi Cầu Hin
643
Hòn Nhạn
Hòn Thẻ
Hòn Mốt
Núi Man Han
1304
Tà Lựa
Suối Dầu
Suối Đá Giang
Suối Tà Rục
Suối Tà Nia
Mũi Nam
Vũng Mê
Hòn Tre
Hòn Miễu
Hòn Tằm
Bãi Thạn
Bãi Rang
Mũi Cầu Hin
Xóm Cầu Hin
Bãi Dài
SOUTH CHINA SEA
Miếu Ấp Thượng
Ấp Thượng
Suối Hải
Bến Đò Thủy Triều
Thủy Triều
Ấp Vĩnh Triều
Cồn Gia
Xóm Giữa Dưới
Miếu Ông
Xóm Bùn
Bàu Can Lò Than
Xóm Mới
Bàu Rơ
Suối Hòa (2)
Thôn Tân Thành
Destroyed
Filtration bed
Sân Bay Đồng Bà Tình Airfield (abandoned)
Lookout Tower
Underground storage area
Sân Bay Cam Ranh Bay (hard surface)
Tanks
Control tower
Lô Đất
Suối Nước Ngọt
CAM PHÚC
GA NGÃ BA 9.1 km.
THÔN KHANH CAM 14 km.
283000m. E.
1328000m. N.
12°00′
South China Sea
Fishing weirs
Cable area

Prepared and published by the Defense Mapping Agency
Hydrographic/Topographic Center, Washington, D.C.

LEGEND

COMPILED IN 1983 FROM BEST AVAILABLE SOURCE

THE NUMBER IN PARENTHESES SHOWN BESIDE VILLAGE NAME INDICATES THAT MORE THAN ONE VILLAGE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA

A LANE IS CONSIDERED AS BEING A MINIMUM OF 2.4 METERS (8 FEET) IN WIDTH

ROADS
- Dual highway — 4 LANES | 6 LANES
- All weather, hard surface, 2 or more lanes wide — 3 LANES
- All weather, loose or light surface, 2 or more lanes wide — 3 LANES
- All weather, hard surface, one lane wide
- All weather, loose or light surface, one lane wide
- Fair or dry weather, loose surface
- Cart track; Trail
- Tree lined road
- Route marker: International; National; Secondary — E6 35 251
- Road on levee

RAILROADS
- Normal gauge, 1 meter (3′3⅜″) — Single track, Double track
- Narrow gauge — Single track, Double track
- Railroad tunnel
- Power line: Single; Two or more
- Prominent wall; Fence
- Woodland; Orchard, plantation
- Nipa; Mangrove
- Rice; Scrub

BOUNDARIES
- International (with marker)
- First-order administrative division
- Built-up area
- Area name — LANA
- Cemetery; Cemetery with trees
- Horizontal control point — △
- Spot elevation in meters — checked unchecked
  - Highest on sheet — 645 645
  - Prominent — 546 546
  - Normal — 456 456
- School; Destroyed building; Mine, quarry
- Church; Chapel; Shrine or landmark cross
- Located object; Temple; Pagoda
- Masonry dam; Earthen dam; Levee
- Wreck: Sunken; Exposed
- Depth curves in meters
- Pier, seawall
- Unsurveyed stream
- Submerged reef; Sand
- Reef; Swamp
- Anchorage
- Foreshore flat
- Well; Spring

GLOSSARY

Bãi	beach, flood plain
Bàu, Ao	pond, lake
Bến Đo	wharf
Còn	island
Hòn, Núi	mountain
Múi	cape, point
Sân bay	airfield
Sông	stream
Suối	stream
Tỉnh	first-order administrative division

SHEET 6833 III SERIES L7014 EDITION 3-DMA NHA TRANG

Scale 1:50,000

Meters 1000 500 0 1 2 3 4 5 Kilometers

1 ½ 0 1 2 3 Statute Miles

1 ½ 0 1 2 3 Nautical Miles

CONTOUR INTERVAL 20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS 10 METERS

SPHEROID	EVEREST
GRID	1,000 METER UTM ZONE 49 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION	TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM	MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM	INDIAN DATUM 1960
HYDROGRAPHIC DATUM	APPROXIMATE LEVEL OF LOWEST LOW WATER
PRINTED BY	DMA 12-95 I

USERS SHOULD REFER CORRECTIONS, ADDITIONS, AND COMMENTS FOR IMPROVING THIS PRODUCT TO: DIRECTOR, DEFENSE MAPPING AGENCY, ATTN: PR, 8613 LEE HIGHWAY, FAIRFAX, VA 22031-2137.

SAMPLE 1,000 METER GRID SQUARE

46
× Sample point
45
12 13

100,000 M. SQUARE IDENTIFICATION

BP | CP
300

GRID ZONE DESIGNATION

49P

100 METER REFERENCE

1. Read large numbers labeling the VERTICAL grid line left of point and estimate tenths (100 meters) from grid line to point 12 3
2. Read large numbers labeling the HORIZONTAL grid line below point and estimate tenths (100 meters) from grid line to point 45 6

Example: 123456

WHEN REPORTING OUTSIDE THE 100,000 METER SQUARE AREA IN WHICH THE POINT LIES, PREFIX THE 100,000 METER SQUARE IDENTIFICATION.
Example: BP123456

WHEN REPORTING OUTSIDE THE GRID ZONE DESIGNATION AREA IN WHICH THE POINT LIES, PREFIX THE GRID ZONE DESIGNATION.
Example: 49PBP123456

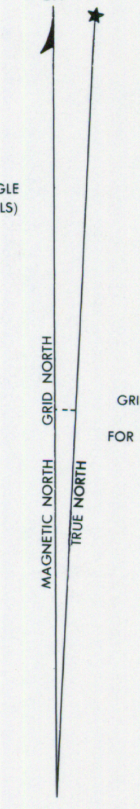
UTM GRID ZONE 49
GN
GRID NORTH
MAGNETIC NORTH
TRUE NORTH

1985
G-M ANGLE
0° (0 MILS)

GRID CONVERGENCE
0°24′ (7 MILS)
FOR CENTER OF SHEET

ELEVATION GUIDE

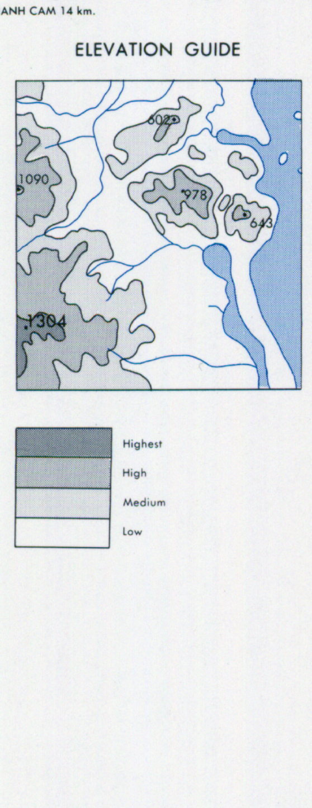
602
1090
978
643
1304
Highest
High
Medium
Low

ADJOINING SHEETS

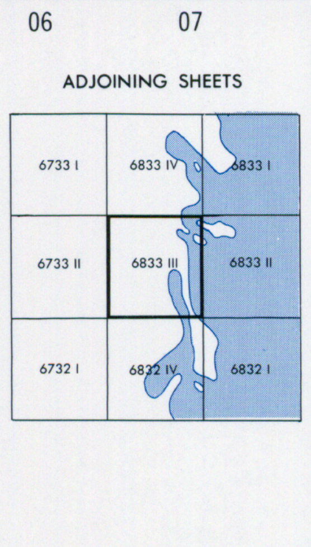
6733 I
6833 IV
6833 I
6733 II
6833 III
6833 II
6732 I
6832 IV
6832 I

BOUNDARIES

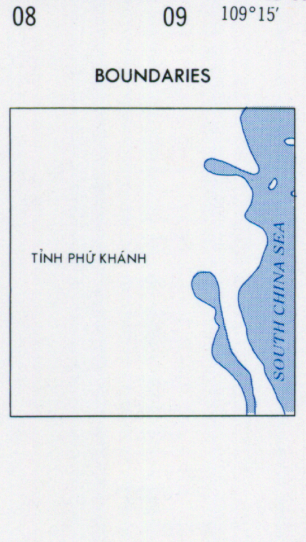
TỈNH PHÚ KHÁNH
SOUTH CHINA SEA

LIMITED DISTRIBUTION: Distribution authorized to Department of Defense (DoD) IAW 10 U.S.C. §§130 & 2796. Release authorized to U.S. DoD contractors IAW 48 C.F.R. §252.245-7000. Refer other requests to Headquarters, DMA, ATTN: Release Officer, Stop A-10. Destroy as "For Official Use Only." Removal of this caveat is prohibited.

THIS MAP IS RED-LIGHT READABLE

NSN 7643014023338
DMA STOCK NO. L701468333

ED. NO. 003